

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 272/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Phước H, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Số E D, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Lê Thảo N, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N kết hôn với nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 23/08/2022) nay là UBND phường T, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi về chung sống tại địa chỉ: B G đường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng trong quá trình chung sống đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, kể từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay thì vợ chồng ông H và bà N đã tự động sống ly thân với nhau, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn gia đình ông H và bà N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N xác nhận không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N xác nhận không có con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N xác nhận không có tài sản chung.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N đã nộp theo biên lai thu số 0003919 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Trần Phước H và bà Trần Lê Thảo N đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- THADS.tp Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN



Đỗ Thị Thu Trang

